

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Sắc xanh lan toả, thuận đà bứt tốc

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đồng Thanh Tuấn

tuán.dt@miraeasset.com.vn

[Tóm tắt]

Thế giới

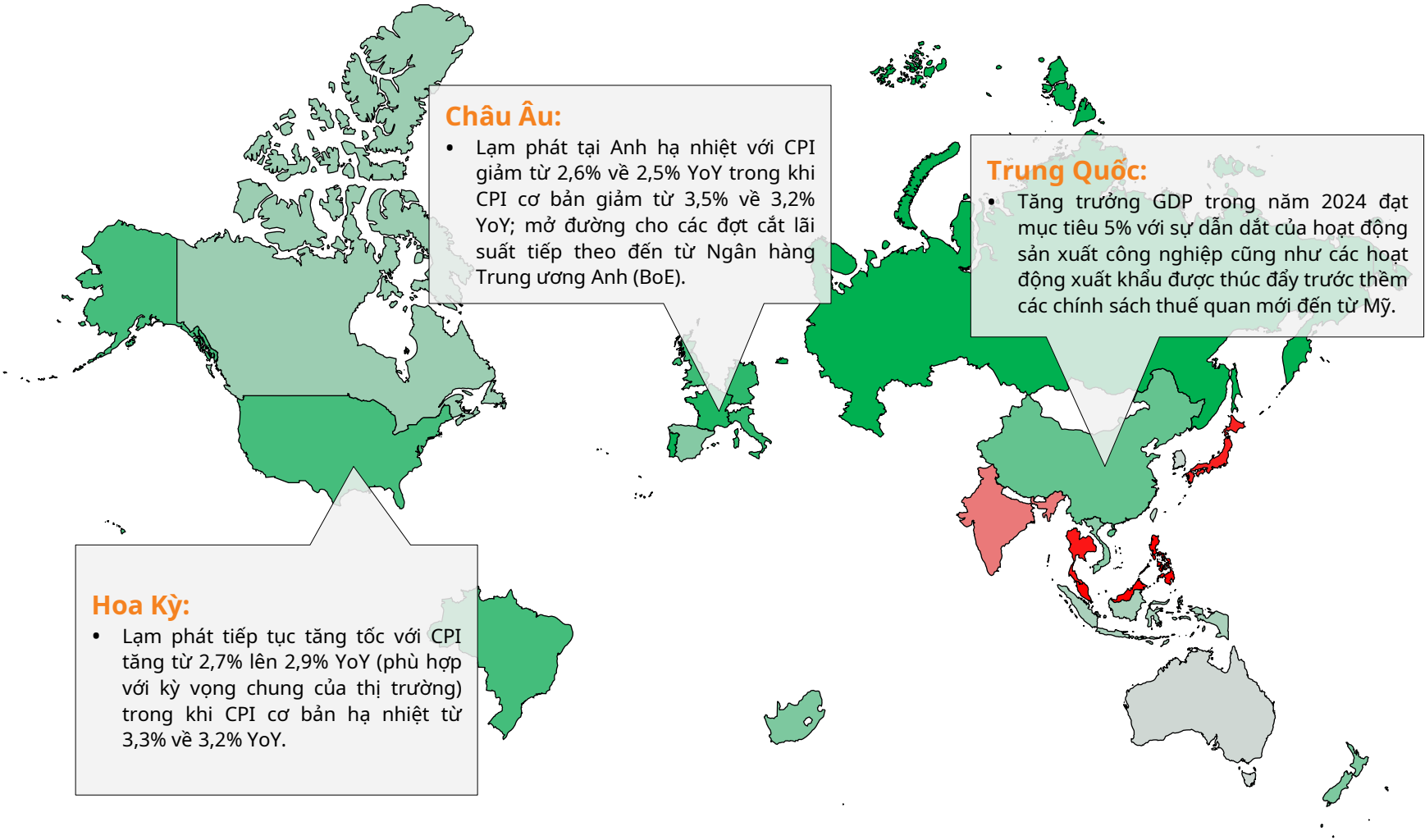
- **Hoa Kỳ:** Lạm phát tiếp tục tăng tốc với CPI tăng từ 2,7% lên 2,9% YoY (phù hợp với kỳ vọng chung của thị trường) trong khi CPI cơ bản hạ nhiệt từ 3,3% về 3,2% YoY.
- **Châu Âu:** Lạm phát tại Anh hạ nhiệt với CPI giảm từ 2,6% về 2,5% YoY trong khi CPI cơ bản giảm từ 3,5% về 3,2% YoY; mở đường cho các đợt cắt lãi suất tiếp theo đến từ Ngân hàng Trung ương Anh (BoE).
- **Trung Quốc:** Tăng trưởng GDP trong năm 2024 đạt mục tiêu 5% với sự dẫn dắt của hoạt động sản xuất công nghiệp cũng như các hoạt động xuất khẩu được thúc đẩy trước thềm các chính sách thuế quan mới đến từ Mỹ.

Việt Nam

- VN-Index tìm thấy lực cầu tại vùng hỗ trợ 1.220 điểm và ghi nhận tuần phục hồi ấn tượng với sắc xanh được lan tỏa sau phiên đảo hạn hợp đồng tương lai của VN30. Kết thúc tuần, VN-Index tăng 18,63 điểm và đóng cửa tại 1.249,11 (+1,51% WoW); đồng thời kết thúc chuỗi giảm kéo dài hai tuần liên tiếp.
- Trái ngược với diễn biến của tuần trước đó, sắc xanh trong tuần qua bao phủ gần như toàn bộ các nhóm ngành. Trong đó, Ngân hàng tiếp tục là nhóm cổ phiếu đóng vai trò dẫn dắt thị trường với mức đóng góp 7,45 điểm đến đà tăng chung tại sàn HOSE trong khi diễn biến chung tại các ngành còn lại không có sự nổi bật đáng kể. Trong khi đó, thanh khoản tiếp tục ảm đạm với giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân đạt khoảng 8,4 nghìn tỷ đồng mỗi phiên (-14% WoW).
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 4,7 nghìn tỷ đồng tuần qua, nâng tổng lượng bán ròng kể từ đầu năm đạt 6,61 nghìn tỷ đồng. Trong đó, phần lớn lượng mua ròng tập trung tại KBC (86 tỷ), HDB (83 tỷ) và VGB (56 tỷ) trong khi khối ngoại bán ròng đối với VIC (-2.068 tỷ), FPT (-799 tỷ), STB (-351 tỷ), SSI (-219 tỷ).
- Bên cạnh đó, nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước mua ròng 1,34 nghìn tỷ đồng. Trong đó, nhóm Tự doanh mua ròng 118 tỷ đồng với tâm điểm xoay quanh các cổ phiếu như MWG (+165 tỷ), E1VFN30 (+125 tỷ), FPT (+63 tỷ) trong khi bán ra đối với STB (-150 tỷ).
- Ở một khía cạnh khác, các quỹ ETF rút ròng 194 tỷ đồng trong tuần qua, với mức rút ròng kể từ đầu năm đạt khoảng 477 tỷ đồng tính đến ngày 17/01.
- **Triển vọng:** Đà tăng trong tuần qua kết hợp với tính chu kỳ thường thấy sau các phiên đảo hạn của hợp đồng tương lai VN30 sẽ là những tiền đề phù hợp cho xu hướng tăng tiếp diễn trong tuần giao dịch tiếp theo. Trong kịch bản tích cực, chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm và chinh phục vùng 1.260 điểm với động lực chính sẽ xoay quanh nhóm Ngân hàng. Ở chiều ngược lại, thanh khoản liên tục sụt giảm trong ba tuần gần nhất cùng với tâm lý giao dịch có phần thận trọng giữa cung và cầu trong tuần qua có khả năng sẽ tiếp tục khiến cho diễn biến giao dịch trong tuần giao dịch cuối cùng trước thềm Tết Nguyên Đán trở nên trầm lắng với thanh khoản duy trì ở mức thấp và biên độ giao dịch không quá lớn; hoặc đồng thời có thể ghi nhận các nhịp rung lắc bất ngờ do ảnh hưởng của sự thận trọng trong hoạt động giải ngân trước kỳ nghỉ lễ dài.

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VNINDEX	1.249,11	1,51%
Mỹ	SPX	5.996,66	2,91%
Canada	TSX	25.067,92	1,21%
Nhật	NKY	38.451,46	-1,89%
Trung Quốc	SHCOMP	3.241,82	2,31%
Hồng Kông	Hang Seng	19.584,06	2,73%
Đài Loan	TWSE	23.148,08	0,59%
Hàn Quốc	KOSPI	2.523,55	0,31%
Ấn Độ	SENSEX	76.619,33	-0,98%
Indonesia	JCI	7.154,66	0,93%
Thái Lan	SET	1.340,63	-2,00%
Singapore	STI	3.810,78	0,24%
Malaysia	FBMKLCI	1.566,72	-2,23%
Philippines	PSEi	6.352,12	-2,22%
UK	FTSE 100	8.505,22	3,11%
Pháp	CAC 40	7.709,75	3,75%
Đức	DAX	20.903,39	3,41%
Nga	MOEX	2.945,52	4,28%
Úc	ASX 200	8.310,38	0,20%
New Zealand	NZX 50	13.130,43	1,82%



① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

Loại hàng hóa	Tên	Đơn vị	Giá (USD)	% DoD	% WoW	% MoM	YTD	% YoY	% 3Y
Tiền điện tử	Bitcoin	USD/BTC	105.026,10	1,4%	11,1%	7,4%	12,3%	151,9%	157,9%
	Vàng	USD/ozt	2.748,70	-0,1%	1,2%	4,4%	4,1%	35,5%	49,2%
Kim loại	Bạc	USD/ozt	31,14	-1,8%	-0,6%	4,4%	6,5%	37,1%	26,0%
	Thép cuộn Mỹ (HRCc3)	USD/st	780,00	-0,4%	0,3%	4,7%	0,9%	-6,7%	-24,3%
	Quặng sắt 62%	USD/mt	101,21	0,7%	3,2%	-2,5%	-2,3%	-25,5%	-21,6%
	Đồng	USD/Lbs	4,37	-1,6%	1,5%	7,1%	8,5%	15,4%	-4,7%
	Platin (bạch kim)	USD/ozt	965,50	1,8%	-3,1%	2,6%	6,0%	6,5%	-8,1%
	Paladi	USD/ozt	967,10	1,1%	-0,1%	5,3%	6,3%	1,9%	-52,7%
	Nhôm	USD/tấn	2.682,00	1,8%	4,3%	5,8%	5,1%	23,8%	-13,8%
	Kẽm	USD/tấn	2.946,00	2,4%	2,7%	-0,9%	-1,1%	19,7%	-19,3%
	Ni-ken	USD/tấn	15.876,00	-1,9%	1,4%	3,4%	3,6%	-1,0%	-33,3%
	Dầu Thô WTI	USD/thùng	77,39	-0,6%	2,2%	12,1%	8,6%	5,7%	-9,5%
Năng lượng	Dầu Brent	USD/thùng	80,79	0,0%	1,3%	10,8%	8,2%	2,8%	-8,6%
	Khí Tự nhiên	USD/MMBtu	3,95	-7,3%	-1,0%	15,7%	8,7%	75,3%	8,2%
	Dầu Nhiên liệu	USD/gallon	2,56	0,0%	3,5%	14,5%	10,6%	-2,5%	-2,5%
	Lúa mì Hoa Kỳ	USD/100 gia	538,75	0,2%	1,5%	1,1%	-2,3%	-9,2%	-31,8%
Thực phẩm	Thóc	USD/CWT	14,90	0,9%	3,0%	5,3%	5,7%	-16,9%	-0,4%
	Yến mạch	USD/100 gia	362,50	3,7%	10,4%	3,2%	9,7%	-4,5%	-43,5%
	Bắp Hoa Kỳ	USD/100 gia	484,25	2,0%	2,9%	8,5%	5,6%	8,7%	-20,7%
	Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 gia	1.044,75	1,3%	1,9%	6,7%	3,4%	-14,6%	-27,2%
	Dầu Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 Lbs	46,12	1,4%	1,2%	15,7%	14,3%	-2,7%	-26,7%
	Khô Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 tấn	305,00	0,9%	2,3%	0,9%	-3,8%	-14,4%	-23,6%
	Ca Cao Hoa Kỳ	USD/tấn	11.173,00	6,4%	5,6%	-5,9%	-3,2%	146,8%	313,5%
	Cà phê Hoa Kỳ loại C	USD/100 Lbs	328,35	0,4%	1,4%	1,0%	2,7%	77,3%	34,8%
	Đường Hoa Kỳ loại 11	USD/100 Lbs	18,22	-1,0%	-5,2%	-6,6%	-5,4%	-22,7%	-3,8%
	Nước Cam	USD/100 Lbs	479,30	3,1%	-3,1%	-9,4%	-3,7%	55,8%	205,3%
	Bê	USD/100 Lbs	196,75	0,1%	-1,0%	2,8%	1,5%	12,8%	42,2%
	Heo nạc	USD/100 Lbs	81,13	-1,4%	-1,7%	-5,6%	-0,2%	14,7%	-4,5%
	Bê đực non	USD/100 Lbs	268,05	0,1%	-0,5%	4,8%	1,9%	15,6%	66,3%
	Gỗ	USD/MBF	595,00	-0,8%	7,4%	4,6%	8,1%	8,4%	-50,0%
	Cao su (TSR20)	USD/kg	193,50	-1,5%	1,3%	-1,9%	-2,0%	26,6%	8,0%
	Cotton Hoa Kỳ loại 2	USD/100 Lbs	67,60	1,3%	0,9%	-0,7%	-1,2%	-19,5%	-45,0%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 19/01/2025

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Sự kiện vĩ mô thế giới chính sẽ công bố trong tuần

- Nhật Bản:** Trong biên bản họp tháng 12, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) nhận định tăng trưởng GDP duy trì ổn định, xuất khẩu và sản xuất công nghiệp tương đối ổn định, lợi nhuận doanh nghiệp tích cực và tỷ lệ thất nghiệp thấp trong thời gian dài. **Lạm phát tăng tốc trong thời gian qua được xem là yếu tố thúc đẩy BoJ nâng lãi suất trong kỳ họp ngày 24/01/2025**, đồng thời tăng cường sức mạnh đồng Yên trước việc dòng vốn đầu tư rút lui sang các thị trường có lãi suất cao hơn. Nhiều tổ chức dự báo BoJ sẽ nâng lãi suất từ 0,25% cuối năm 2024 lên 0,7% - 1% vào cuối năm 2025, điều này có thể gây biến động trong các hoạt động Carry Trade.

Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
20/1/25				
6:50 AM	JP	Đơn đặt hàng thiết bị máy móc YoY (T11)	5,6%	5,6%
8:15 AM	CN	Lãi suất cho vay cơ bản (LPR) - 1 năm	3,1%	3,1%
	CN	Lãi suất cho vay cơ bản (LPR) - 5 năm (T1)	3,6%	3,6%
11:30 AM	JP	Sản lượng công nghiệp YoY (T11)	1,4%	-2,8%
2:00 PM	DE	PPI YoY (T12)	0,1%	1,1%
21/1/25				
2:00 PM	GB	Tỷ lệ thất nghiệp (T12)	4,3%	4,4%
5:00 PM	EA	Chỉ số đo lường niềm tin kinh tế - ZEW (T1)	17,0	16,9
	DE	Chỉ số đo lường niềm tin kinh tế - ZEW (T1)	15,7	15,1
23/1/25				
6:00 AM	KR	Tăng trưởng GDP QoQ (Q4)	0,1%	0,2%
	KR	Tăng trưởng GDP YoY (Q4)	1,5%	1,4%
6:50 AM	JP	Xuất khẩu YoY (T12)	3,8%	2,3%
	JP	Nhập khẩu YoY (T12)	-3,8%	2,6%
24/1/25				
6:30 AM	JP	CPI YoY (T12)	2,9%	3,0%
	JP	CPI cơ bản YoY (T12)	2,7%	3,0%
	JP	CPI MoM (T12)	0,6%	0,2%
7:01 AM	GB	Chỉ số niềm tin người tiêu dùng - Gfk (T1)	-17,0	-18,0
10:00 AM	JP	Quyết định lãi suất đến từ BoJ	0,25%	0,50%
	JP	Báo cáo triển vọng kinh tế của BoJ		
3:15 PM	FR	PMI Sản xuất - HCOB (T1)	41,9	42,1
	FR	PMI Dịch vụ - HCOB (T1)	49,3	49,4
3:30 PM	DE	PMI Sản xuất - HCOB (T1)	42,5	42,0
	DE	PMI Dịch vụ - HCOB (T1)	51,2	51,0
4:00 PM	EA	PMI Sản xuất - HCOB (T1)	45,1	45,3
	EA	PMI Dịch vụ - HCOB (T1)	51,6	51,6
4:30 PM	GB	PMI Sản xuất - S&P Global (T1)	47,0	47,1
	GB	PMI Dịch vụ - S&P Global (T1)	51,1	50,6
9:45 PM	US	PMI Sản xuất - S&P Global (T1)	49,4	49,6
	US	PMI Dịch vụ - S&P Global (T1)	56,8	56,6

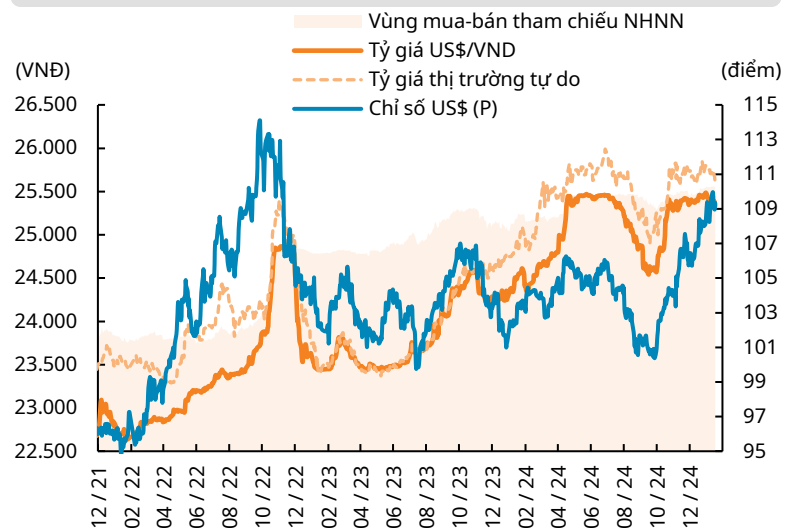
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics và Bloomberg.
Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Tỷ giá tiếp tục hạ nhiệt

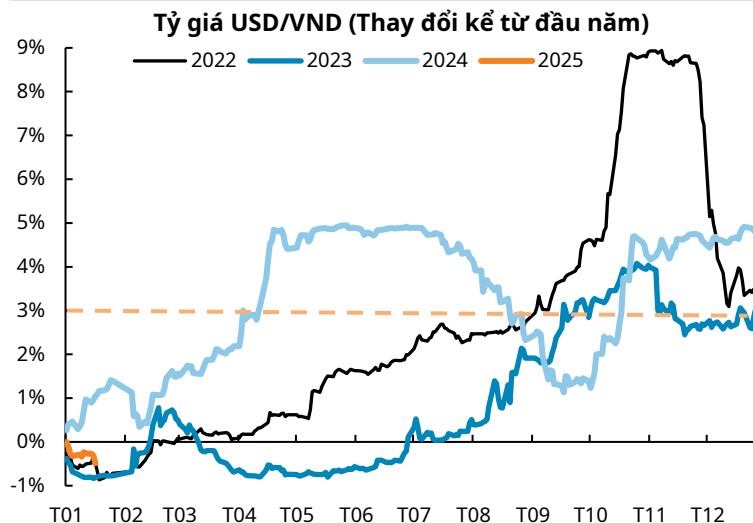
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục phát hành tín phiếu thông qua hoạt động thị trường mở (OMO) với tổng lượng tín phiếu phát hành đạt **32,75 nghìn tỷ đồng** với kỳ hạn là **7 ngày** và **lãi suất 4%**. Bên cạnh đó, NHNN đồng thời điều tiết thanh khoản thông qua hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) với lượng RRP được phát hành đạt 43 nghìn tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4%.
- **Tính đến ngày 17/01, tỷ giá bán tại Vietcombank ghi nhận 25.510, hạ nhiệt đáng kể so với tuần trước với mức thay đổi của tỷ giá tính từ đầu năm hiện ghi nhận mức giảm -0,16%.** Bên cạnh đó, tỷ giá trên kênh liên ngân hàng đã cho thấy tỷ giá ở những ngày đầu tiên của năm đã tiếp tục hạ nhiệt rõ rệt với mức mất giá so với đầu năm hiện ghi nhận -0,49%.
 - Tại đây, chúng tôi cho rằng động thái can thiệp tỷ giá linh hoạt thông qua hợp đồng giao ngay kết hợp cùng hợp đồng kỳ hạn đã đưa ra một thông điệp mạnh mẽ về quan điểm của NHNN trong việc điều hành tỷ giá. Trong khi đó, dòng vốn ngoại chảy về thị trường Việt Nam thông qua kiều hối dự kiến sẽ là chất xúc tác phù hợp giúp hạ nhiệt tỷ giá trong các tuần tiếp theo.
 - Tuy nhiên, áp lực tỷ giá dự kiến vẫn là một yếu tố cần theo dõi trong nửa đầu năm 2025 khi lộ trình cắt giảm lạm phát của Fed vẫn còn nhiều thách thức với lạm phát tại Mỹ hiện đang tăng tốc trở lại cùng các ẩn số khó lường xoay quanh chính sách thuế quan của Tổng thống Donald Trump.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



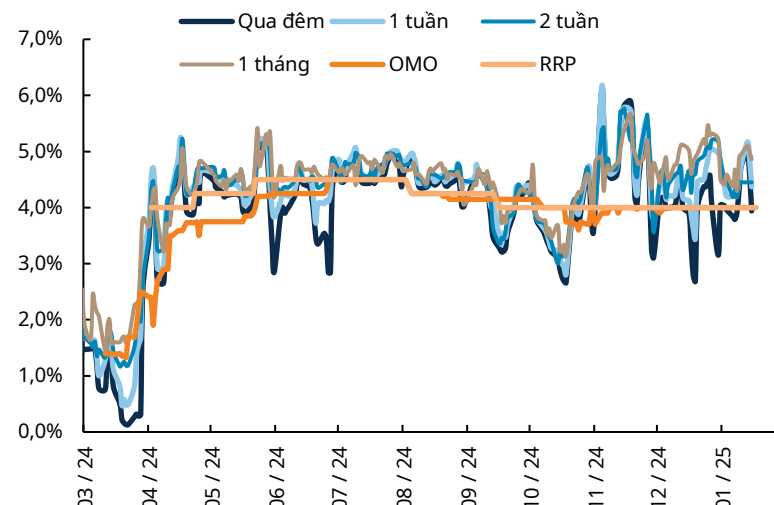
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 17/01/2025

Biến động của tỷ giá so với thời điểm đầu năm



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 17/01/2025

Lãi suất liên ngân hàng



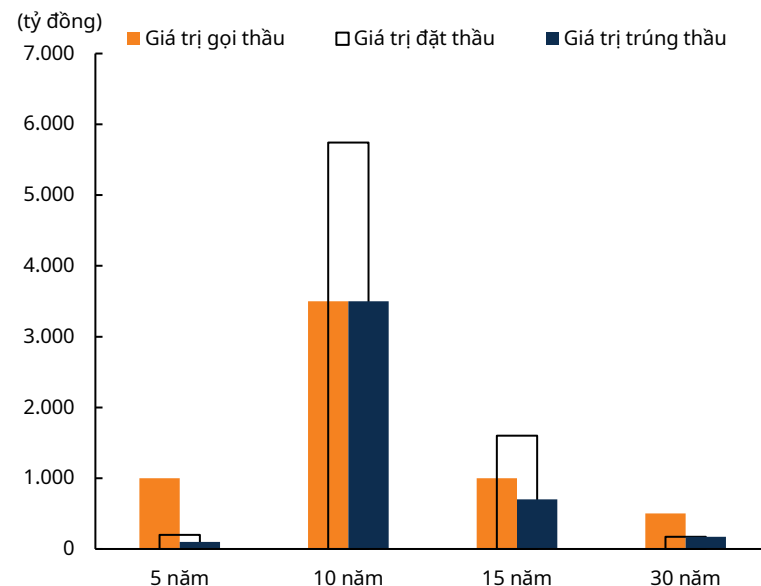
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 17/01/2025

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Trái phiếu chính phủ

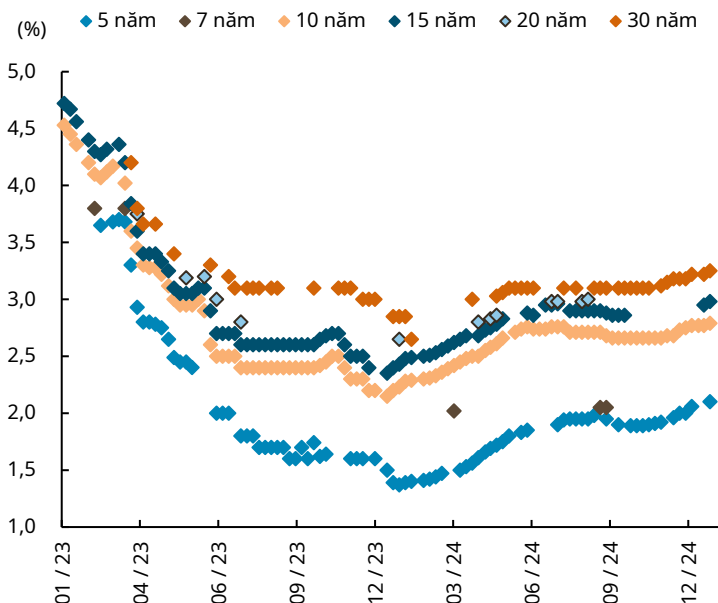
- **Phát hành trái phiếu chính phủ:**
 - Trong ngày 15/01, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã huy động thành công 4.474 tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với gần 74,6% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt 1,29x.
 - Kết quả đấu thầu như sau: 5 năm (100 tỷ đồng), 10 năm (3.500 tỷ đồng), 15 năm (700 tỷ đồng), 30 năm (174 tỷ đồng).
 - Lợi suất trúng thầu tăng đều trên mọi kỳ hạn. Cụ thể cho từng kỳ hạn là: 5 năm (2,1%, +4 bps), 10 năm (2,79%, +2 bps), 15 năm (2,98%, +3 bps), 30 năm (3,25%, +3 bps).
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu tăng đều trên mọi kỳ hạn, ngoại trừ kỳ hạn 7 năm.** Cụ thể, kết quả giao dịch lợi suất của các kỳ hạn như sau: 1 năm (2,029%, +5,2 bps); 2 năm (2,075%, +6,5 bps); 5 năm (2,399%, +3,8 bps); 7 năm (2,631%, -0,5 bps); 10 năm (3,07%, +3,7 bps); 15 năm (3,245%, +6,7 bps); 20 năm (3,279%, +8,7 bps); 30 năm (3,371%, +8,3 bps).

Giá trị trúng thầu từ buổi đấu thầu gần nhất



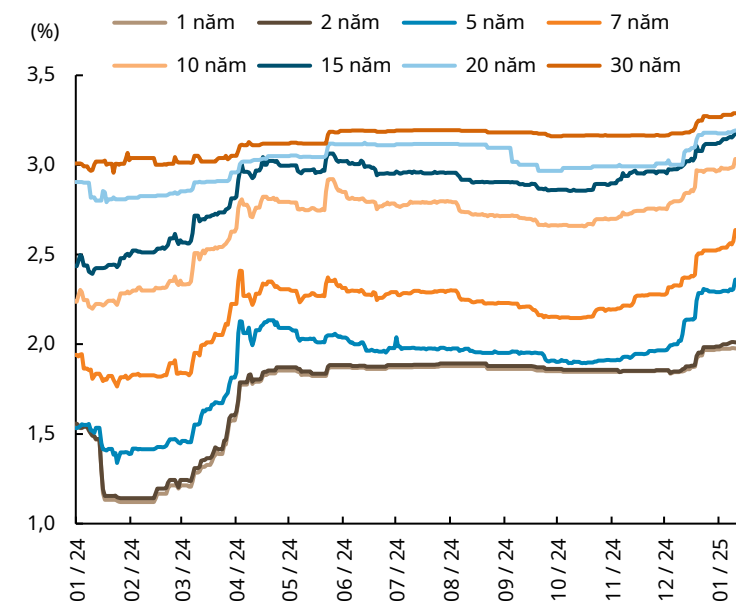
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 15/01/2025

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 15/01/2025

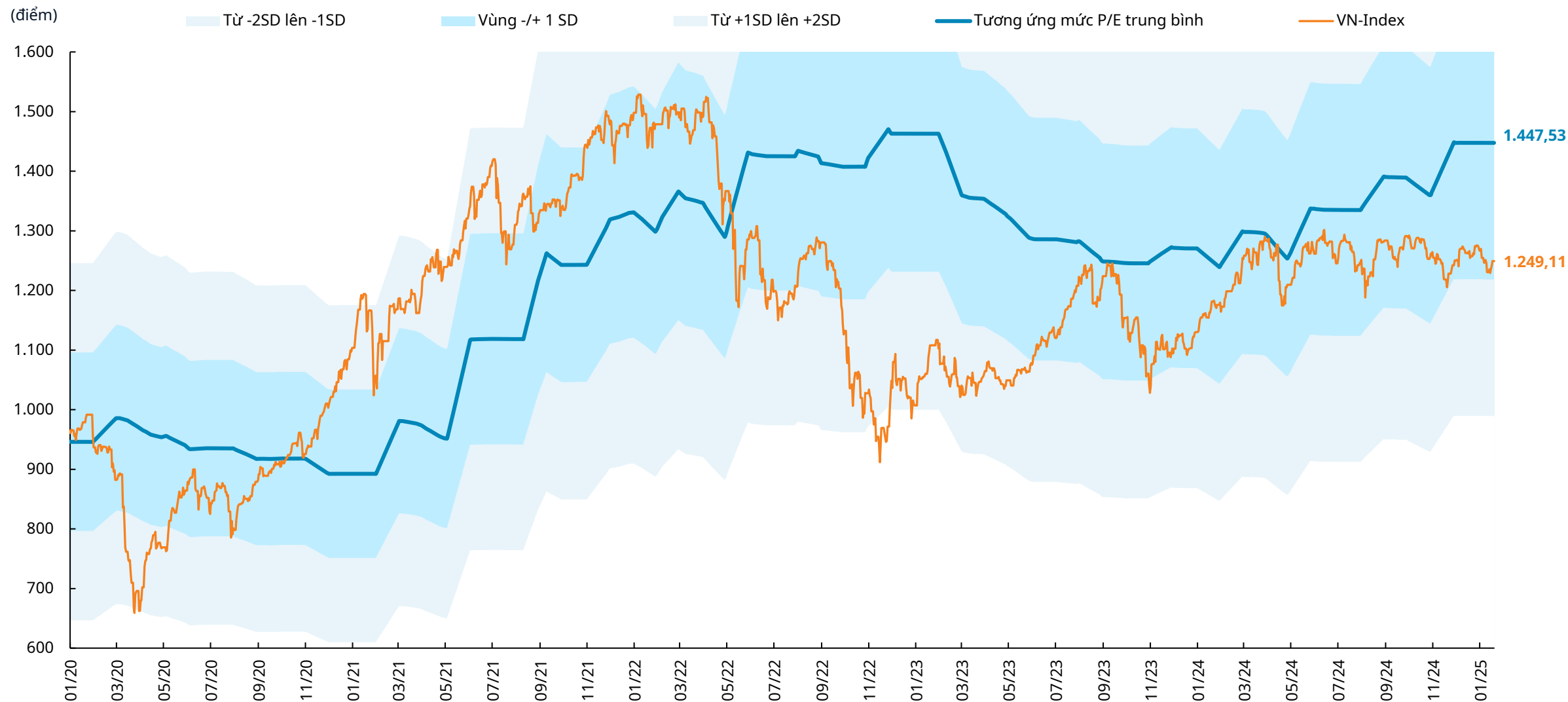
Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 17/01/2025

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

Định giá VN-Index so với giá trị P/E bình quân trong 10 năm gần nhất

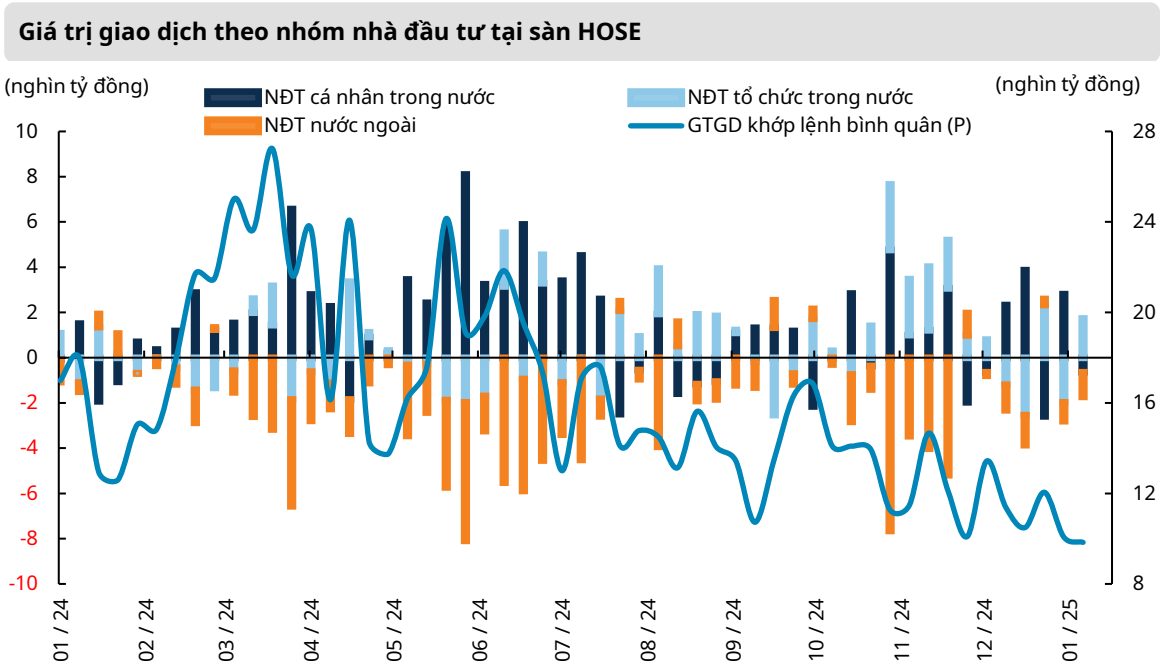


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 17/01/2025

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Thanh khoản giảm dần trước thềm năm mới

- Dần về giai đoạn cận Tết Nguyên Đán, thanh khoản tiếp tục ảm đạm với giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân đạt khoảng 8,4 nghìn tỷ đồng mỗi phiên (-14% WoW). Trong đó, nhóm Dầu khí tiếp tục là ngành có hoạt động giao dịch sôi động nhất với mức tăng 60% về giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên so với tuần trước, đạt khoảng 300 tỷ đồng.
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 4,7 nghìn tỷ đồng tuần qua, nâng tổng lượng bán ròng kể từ đầu năm đạt 6,61 nghìn tỷ đồng.** Trong đó, phần lớn lượng mua ròng tập trung tại KBC (86 tỷ), HDB (83 tỷ) và VGB (56 tỷ) trong khi khối ngoại bán ròng đối với VIC (-2.068 tỷ), FPT (-799 tỷ), STB (-351 tỷ), SSI (-219 tỷ).
- Bên cạnh đó, **nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước mua ròng 1,34 nghìn tỷ đồng.** Trong đó, nhóm Tự doanh mua ròng 118 tỷ đồng với tâm điểm xoay quanh các cổ phiếu như MWG (+165 tỷ), E1VFN30 (+125 tỷ), FPT (+63 tỷ) trong khi bán ra đối với STB (-150 tỷ).
- Ở một khía cạnh khác, **các quỹ ETF rút ròng 194 tỷ đồng trong tuần qua, với mức rút ròng kể từ đầu năm đạt khoảng 477 tỷ đồng tính đến ngày 17/01.** Trong đó, phần lớn lượng giải ngân đến từ DCVFMVN Diamond (+38 tỷ) và MAFM VN30 (+37 tỷ); được cân bằng với lượng rút ròng đến từ VanEck Vietnam (-158 tỷ), DCVFMVN30 (-81 tỷ), Fubon FTSE Vietnam (-31 tỷ).



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật tới 17/01/2025

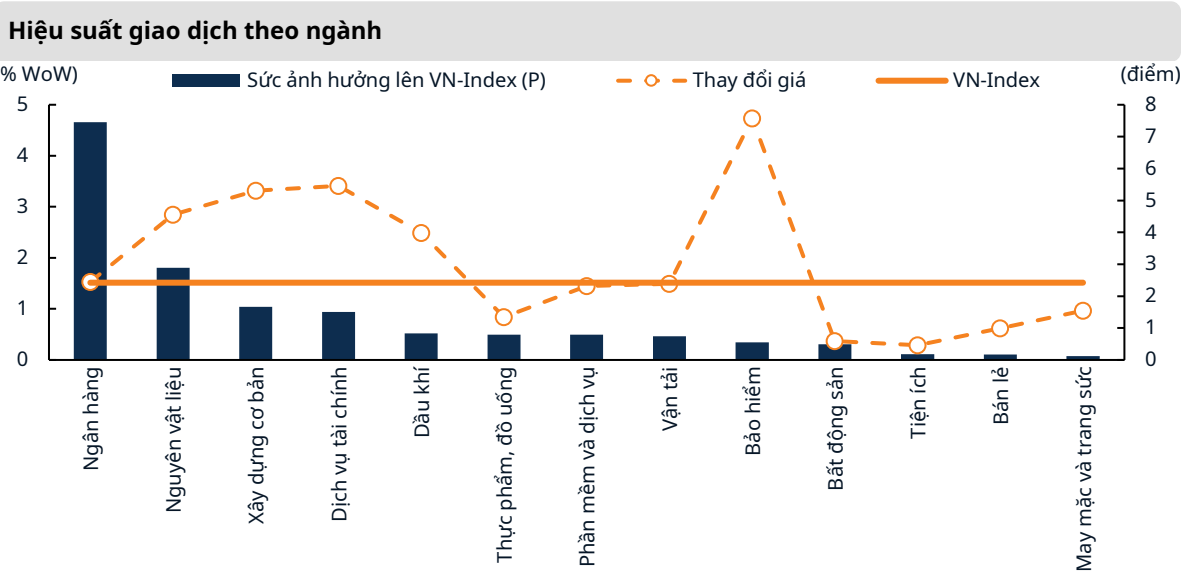
Đánh giá xếp hạng của chúng tôi về thanh khoản thị trường theo ngành ở 12 tuần gần nhất					
Phân ngành công nghiệp GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	27/12/2024	3/1/2025	10/1/2025	17/1/2025	
VN-Index				8%	-14%
Dầu khí				92%	60%
Vận tải				54%	8%
Bảo hiểm				38%	-23%
Phần mềm và dịch vụ				38%	2%
Ngân hàng				15%	-22%
Dịch vụ tài chính				15%	-11%
Xây dựng cơ bản				8%	-10%
Thực phẩm, đồ uống				8%	-25%
Tiện ích				8%	-21%
May mặc và trang sức				8%	-25%
Nguyên vật liệu				8%	-20%
Bán lẻ				8%	-17%
Bất động sản				8%	-7%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. **Quy tắc đánh giá của chúng tôi:** Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. **Tích cực (xanh)** biểu thị 33,33% cao nhất; **Tiêu cực (đỏ)** là thấp nhất; và **Trung lập (vàng)** là ở giữa.

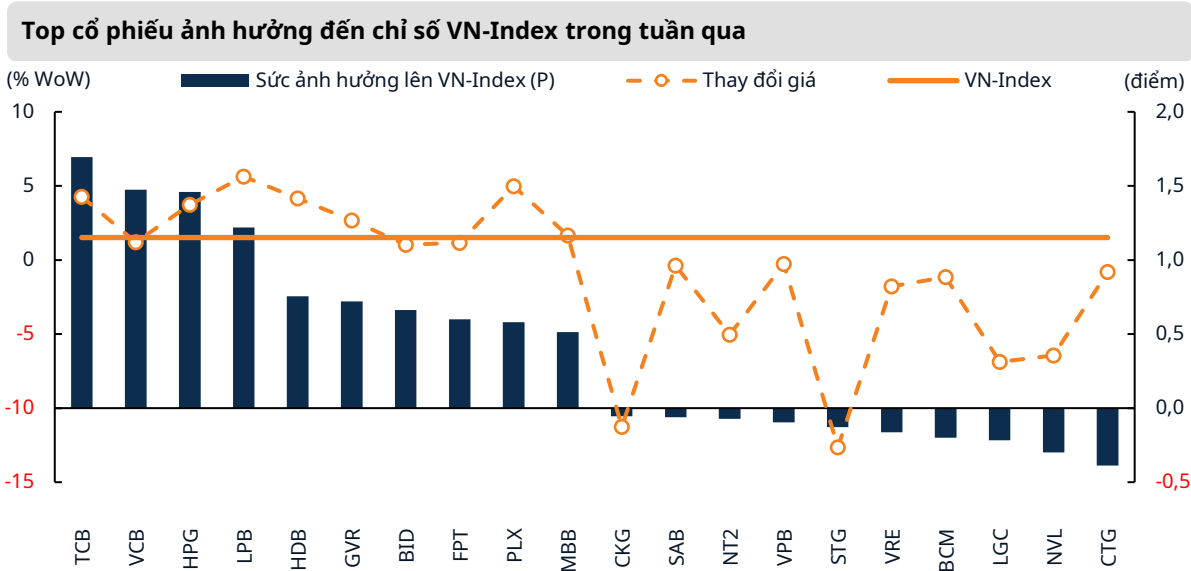
③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Khởi đầu của
đợt sóng mới

- VN-Index tìm thấy lực cầu tại vùng hỗ trợ 1.220 điểm và ghi nhận tuần phục hồi ấn tượng với sắc xanh được lan tỏa sau phiên đảo hạm hợp đồng tương lai của VN30. Kết thúc tuần, VN-Index tăng 18,63 điểm và đóng cửa tại 1.249,11 (+1,51% WoW); đồng thời kết thúc chuỗi giảm kéo dài hai tuần liên tiếp.
- Trái ngược với diễn biến của tuần trước đó, sắc xanh trong tuần qua bao phủ gần như toàn bộ các nhóm ngành. Trong đó, Ngân hàng tiếp tục là nhóm cổ phiếu đóng vai trò dẫn dắt thị trường với mức đóng góp 7,45 điểm đến đà tăng chung tại sàn HOSE trong khi diễn biến chung tại các ngành còn lại không có sự nổi bật đáng kể.
- Triển vọng giao dịch trong tuần tiếp theo:
 - Đà tăng trong tuần qua kết hợp với tính chu kỳ thường thấy sau các phiên đảo hạm của hợp đồng tương lai VN30 sẽ là những tiền đề phù hợp cho xu hướng tăng tiếp diễn trong tuần giao dịch tiếp theo.
 - Trong kịch bản tích cực, chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm và chinh phục vùng 1.260 điểm với động lực chính sẽ xoay quanh nhóm Ngân hàng. Ở chiều ngược lại, thanh khoản liên tục sụt giảm trong ba tuần gần nhất cùng với tâm lý giao dịch có phần thận trọng giữa cung và cầu trong tuần qua có khả năng sẽ tiếp tục khiến cho diễn biến giao dịch trong tuần giao dịch cuối cùng trước thềm Tết Nguyên Đán trở nên trầm lắng với thanh khoản duy trì ở mức thấp và biên độ giao dịch không quá lớn; hoặc đồng thời có thể ghi nhận các nhịp rung lắc bất ngờ do ảnh hưởng của sự thận trọng trong hoạt động giải ngân trước kỳ nghỉ lễ dài.



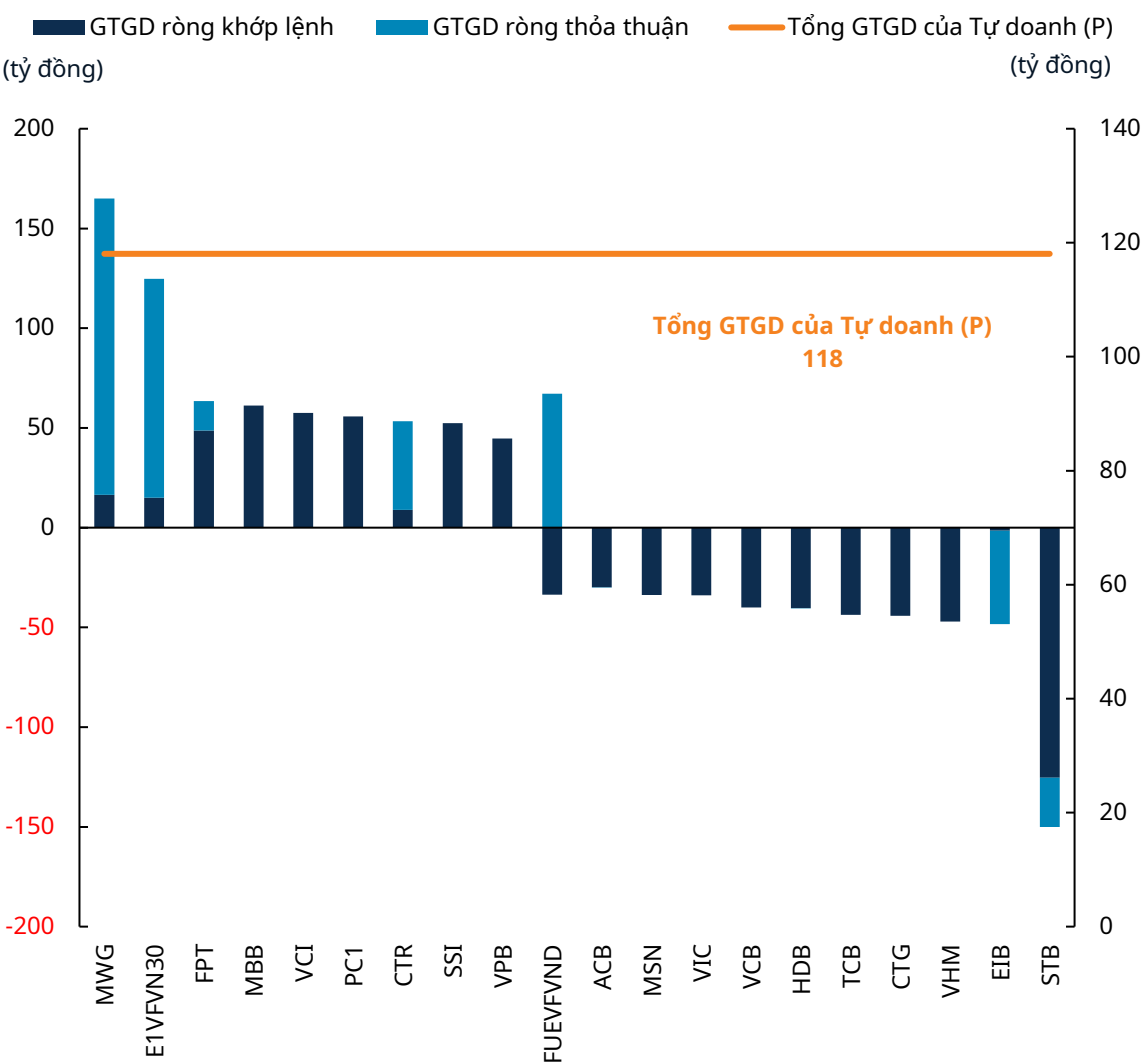
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 17/01/2025



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 17/01/2025

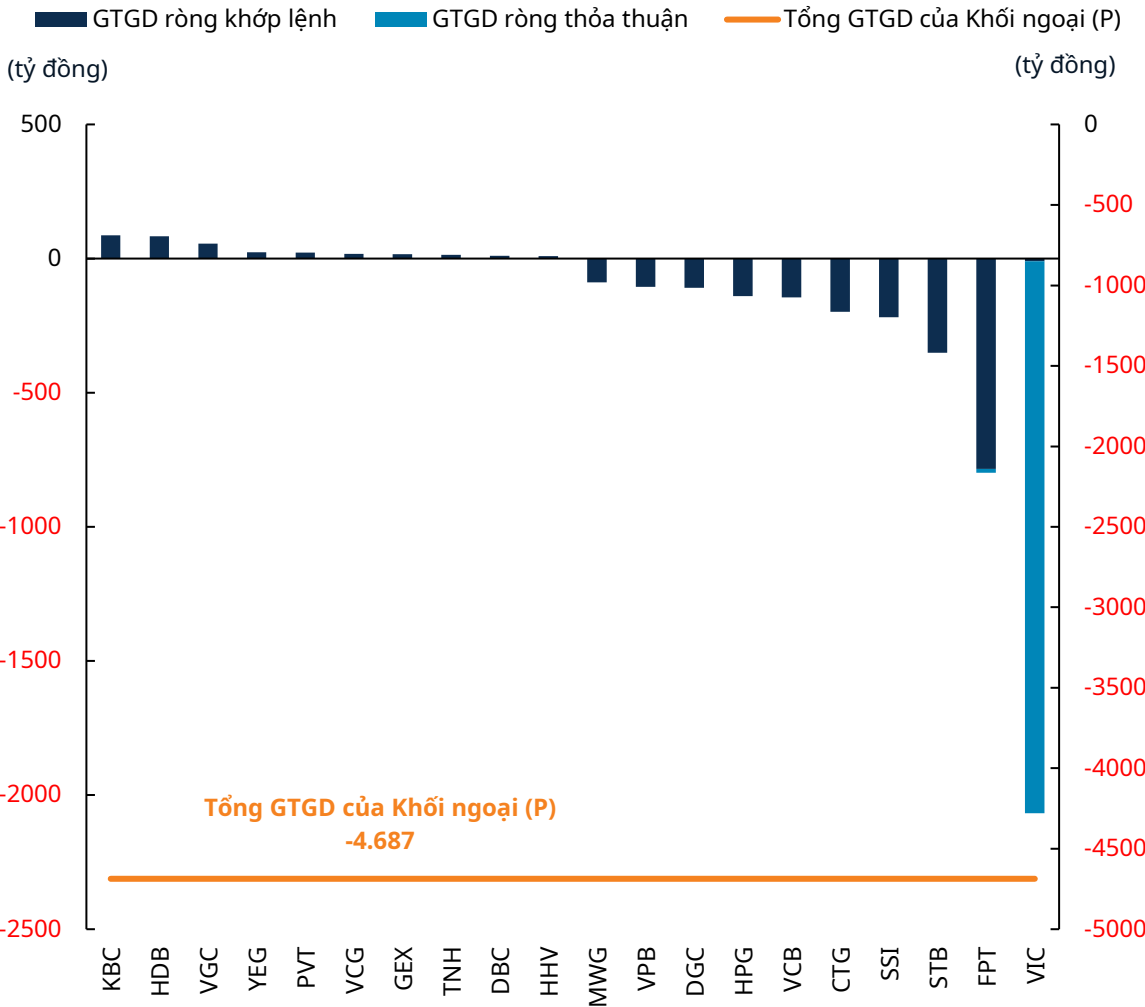
③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 17/01/2025

Top giá trị giao dịch ròng của Khối ngoại của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 17/01/2025

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5,213,064	1,249.11	1,305.02	1,165.99	0.54	1.51	-1.00	7.4	14.6	1.7	12.5	16.48	24.55
VN30 Index		3,571,392	1,313.48	1,372.66	1,171.62	0.78	1.57	-1.07	12.6	11.5	1.6	14.8	20.07	15.32
VN70 Index		1,008,758	1,858.03	2,031.02	1,709.22	0.61	2.50	-1.79	6.8	17.6	1.5	8.8	14.05	35.08
VNFinLead Index		2,217,340	2,086.41	2,188.53	1,892.98	0.96	2.33	-0.16	8.7	8.5	1.3	15.3	19.28	11.46
Ngân hàng	VCB	516,991	92,500	98,200	85,000	-0.22	1.20	-0.54	1.76	14.9	2.7	19.8	22.9	7.1
	BID	272,452	39,500	46,860	35,744	0.25	1.02	2.56	2.02	11.7	2.0	18.9	16.8	13.2
	CTG	199,764	37,200	38,800	30,250	1.09	-0.80	2.62	19.42	9.3	1.4	16.5	27.0	3.0
	TCB	172,382	24,400	25,000	17,000	2.31	4.27	0.83	43.32	7.6	1.2	16.8	22.5	0.0
	VPB	146,381	18,450	20,950	17,800	0.27	-0.27	-2.64	-4.40	11.1	1.1	10.8	25.1	4.9
	MBB	131,199	21,500	22,783	18,870	0.47	1.65	2.38	15.00	6.1	1.2	22.0	23.2	0.0
	ACB	111,443	24,950	26,500	22,304	0.40	1.01	-0.99	12.96	6.9	1.4	22.3	30.0	0.0
	LPB	95,294	31,900	32,000	14,127	1.43	5.63	12.06	120.47	9.9	2.3	28.8	0.7	4.3
	HDB	78,639	22,500	25,000	17,292	3.69	4.17	-5.46	29.50	6.0	1.5	28.1	17.3	2.7
	STB	67,396	35,750	37,400	26,150	0.85	1.56	4.84	20.37	7.7	1.3	18.4	23.3	6.7
	VIB	59,136	19,850	21,368	17,308	0.76	2.85	3.39	8.53	8.3	1.5	18.9	5.0	0.0
	SSB	50,747	17,900	21,128	15,200	0.56	2.87	3.47	-11.78	10.8	1.5	15.0	0.1	4.9
	TPB	42,668	16,150	18,100	13,667	0.62	1.57	-0.31	5.61	8.8	1.2	14.2	29.9	0.1
	SHB	37,357	10,200	12,350	10,150	0.49	0.49	-1.45	-15.00	4.8	0.7	14.6	2.8	27.2
	EIB	34,088	18,300	21,600	15,187	0.00	1.10	-6.39	1.46	12.6	1.4	11.8	2.3	27.7
	MSB	28,340	10,900	13,200	10,077	0.46	0.46	-4.80	2.68	6.5	0.8	13.3	27.5	2.5
	OCB	26,261	10,650	13,333	10,200	0.47	0.95	-1.39	-13.94	12.0	0.9	7.4	19.1	2.9
	NAB	22,510	16,400	17,750	12,240	1.86	-0.30	3.14	31.41	6.0	1.2	22.7	1.2	28.8
Dịch vụ tài chính	SSI	48,164	24,550	31,461	23,500	0.61	3.59	-5.58	-9.33	15.7	1.9	12.6	39.7	60.3
	VCI	23,302	32,450	42,308	31,500	0.15	3.02	-5.67	0.44	22.7	2.2	10.2	25.1	74.9
	HCM	20,519	28,500	31,300	23,500	0.88	4.78	-3.39	14.69	20.0	2.0	10.9	44.2	4.8
	VND	18,496	12,150	21,653	11,400	-0.82	6.11	-7.25	-36.99	7.4	1.0	13.0	11.5	88.6
	VIX	13,812	9,470	14,131	9,098	0.53	2.93	-8.06	-18.58	14.4	0.9	6.0	5.0	95.0
	FTS	12,512	40,900	48,000	31,964	-0.37	3.54	-4.55	26.68	0.0	0.0	0.0	30.0	70.0
	SHS	9,921	12,200	20,900	10,800	2.52	7.02	-8.27	-34.41	0.0	0.0	0.0	2.4	46.6
	VDS	4,423	18,200	24,664	15,202	0.00	2.25	-12.92	17.30	10.9	1.6	15.4	3.1	96.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 17/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	38,749	52,200	54,800	38,200	1.95	5.45	0.19	26.85	19.7	1.7	8.9	26.5	22.5
	MIG	3,376	17,000	21,664	15,334	0.29	2.10	-3.13	0.70	11.7	1.5	13.3	16.5	83.5
Nguyên vật liệu	HPG	169,501	26,500	29,950	24,750	0.76	3.72	-1.85	5.42	13.9	1.5	11.5	21.6	27.4
	GVR	115,000	28,750	38,200	20,950	1.05	2.68	-7.56	35.61	33.4	2.2	6.7	0.3	12.7
	DGC	41,700	109,800	134,000	87,800	0.00	-0.18	-5.34	19.61	15.0	3.0	21.4	17.9	31.1
	DCM	17,841	33,700	40,050	29,850	0.60	2.43	-7.42	7.67	12.9	1.8	14.3	5.8	43.2
	DPM	13,423	34,300	39,950	31,050	0.59	2.39	-2.28	3.16	20.6	1.2	5.8	8.6	40.4
	HSG	10,867	17,500	25,600	17,150	1.16	2.04	-4.89	-22.57	20.9	1.0	4.8	9.6	39.4
	PHR	6,951	51,300	65,900	48,250	0.98	2.60	-5.70	5.77	18.1	1.8	10.4	18.0	31.0
	NKG	6,244	13,950	21,150	13,450	0.36	2.57	-2.15	-27.94	0.0	0.0	0.0	7.9	42.1
	TCI	1,014	8,770	12,227	7,560	-0.34	1.98	3.30	-25.62	16.7	0.8	4.7	5.2	94.8
	VHM	164,707	40,100	46,000	34,600	0.25	0.25	-2.91	-4.30	8.4	0.9	11.0	12.4	37.7
Bất động sản	VIC	154,667	40,450	48,700	40,150	0.00	-0.12	-0.25	-6.37	15.6	1.1	7.5	10.0	38.0
	BCM	71,622	69,200	74,000	50,700	-0.14	-1.14	2.06	15.53	27.3	3.7	15.3	2.2	31.8
	VRE	37,607	16,550	27,200	16,450	0.00	-1.78	-3.50	-28.97	9.2	0.9	10.5	18.6	30.4
	KDH	34,783	34,400	35,950	27,727	0.15	1.18	-1.71	25.51	70.4	2.0	2.9	37.2	12.8
	KBC	22,913	29,850	35,900	24,600	-0.17	5.48	5.85	-3.55	51.2	1.2	2.4	19.3	29.7
	VPI	18,883	59,000	59,900	45,583	0.17	0.68	1.37	26.88	0.0	0.0	0.0	11.2	37.8
	NVL	18,097	9,280	18,700	9,150	1.20	-6.45	-11.20	-42.72	N/A	0.5	-7.5	4.4	44.6
	SIP	17,095	81,200	86,800	55,217	2.01	4.10	-3.91	48.93	15.6	4.0	28.4	4.6	44.4
	PDR	16,459	18,850	29,724	16,950	1.34	4.43	-11.50	-24.40	34.4	1.5	4.5	7.7	42.4
	DXG	13,063	15,000	19,475	12,040	0.67	4.17	-13.14	-17.49	80.9	1.1	1.3	19.1	30.9
	NLG	12,746	33,100	45,850	32,150	1.22	2.95	-11.02	-11.02	44.2	1.4	3.2	43.3	6.7
	EVF	6,883	9,050	18,056	8,800	-0.33	2.84	-10.40	-42.51	12.7	0.8	7.0	0.6	14.4
	IJC	5,137	13,600	16,950	12,876	0.37	2.26	-0.37	6.36	17.4	1.0	5.8	4.6	44.4
	NTC	5,100	212,500	240,000	179,500	1.19	1.19	2.07	8.03	17.0	5.3	35.8	2.1	-2.1
	FMC	3,031	46,350	53,600	42,800	0.76	2.89	-0.43	6.06	10.9	1.5	13.9	30.9	19.1
	LHG	1,733	34,650	43,700	30,500	0.14	2.67	-4.02	15.89	8.7	1.1	12.7	17.4	31.6
	VEA	52,222	39,300	50,900	35,200	0.51	1.03	2.61	8.86	8.4	2.0	24.6	1.9	47.1
Xây dựng cơ bản	REE	31,417	66,700	72,000	47,826	1.68	3.73	0.30	36.73	17.2	1.7	10.4	49.0	0.0
	VGC	22,238	49,600	60,900	39,650	1.43	4.20	12.86	-4.62	37.8	2.7	7.1	4.8	44.3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 17/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	IDC	17,952	54,400	64,300	50,000	0.18	1.87	-4.06	7.30	8.2	3.4	45.2	22.5	26.5
	GEX	16,415	19,100	25,300	17,800	0.00	2.69	-0.26	-11.37	15.7	1.2	8.0	5.9	44.1
	CTR	14,756	129,000	162,000	90,400	0.16	3.61	5.74	42.86	27.8	8.7	30.2	9.6	39.4
	HUT	14,191	15,900	20,000	15,100	-0.63	0.00	0.63	-18.88	0.0	0.0	0.0	1.4	48.7
	VCG	11,703	19,550	23,482	17,050	0.26	7.42	11.40	-10.08	14.6	1.5	10.8	5.0	44.0
	DIG	11,221	18,400	33,950	17,650	0.27	2.79	-8.00	-31.47	398.0	1.5	0.4	4.3	44.7
	BMP	10,429	127,400	136,100	93,000	0.47	-2.00	4.43	16.88	10.3	3.5	34.4	84.1	15.9
	TCH	9,489	14,200	21,650	12,800	2.90	5.19	-7.19	8.81	10.1	1.0	10.7	5.2	45.8
	HDG	9,283	27,600	32,000	22,818	1.85	2.41	-8.91	18.36	14.0	1.5	11.2	19.9	30.1
	PC1	8,065	22,550	27,783	21,304	1.12	4.40	-0.66	-4.83	18.9	1.5	8.1	13.0	37.0
	SZC	7,559	42,000	45,000	34,550	1.45	2.44	-1.75	16.83	26.2	2.5	11.7	2.2	17.8
	CTD	7,395	74,000	78,100	61,000	1.51	6.78	10.28	8.82	22.2	0.9	3.9	49.0	0.0
	DXS	3,926	6,780	8,680	5,500	0.44	3.51	-12.06	-7.50	N/A	0.7	-0.2	19.0	31.0
	DPG	2,873	45,600	62,500	38,700	-0.11	3.40	-11.46	16.92	13.7	1.5	11.7	6.2	42.8
Thực phẩm và Đồ uống	MCH	163,623	225,800	247,000	91,000	1.71	-2.63	-2.63	148.95	0.0	0.0	0.0	2.7	47.3
	VNM	129,577	62,000	75,600	61,300	0.16	1.14	-4.02	-7.60	15.1	4.1	27.7	51.3	48.7
	MSN	94,787	65,900	81,400	64,600	-0.60	0.61	-7.18	-0.60	73.0	3.2	4.8	26.3	22.7
	SAB	68,489	53,400	69,400	52,000	-1.11	-0.37	-6.81	-11.59	16.0	2.7	17.2	60.8	39.2
	QNS	18,713	50,900	52,200	45,200	0.99	1.80	-2.12	11.62	7.1	1.8	26.9	13.4	35.6
	KDC	17,041	58,800	62,624	49,600	0.00	1.20	-0.84	2.83	N/A	2.5	-6.7	18.3	31.7
	VHC	15,061	67,100	80,000	63,400	-0.30	3.23	-7.70	4.19	16.5	1.7	10.4	27.5	72.5
	SBT	9,652	11,850	12,636	9,727	-0.42	1.28	1.44	-6.22	16.1	1.0	6.4	21.3	78.7
	DBC	8,919	26,650	32,304	21,765	0.00	0.38	-2.02	18.46	12.8	1.4	9.6	8.4	40.6
	PAN	5,306	25,400	25,700	20,100	1.60	7.17	10.92	24.82	9.3	1.1	11.9	19.2	29.8

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 17/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiện ích	GAS	156,491	66,800	83,725	66,600	-0.15	0.15	-1.76	-9.39	14.3	2.7	18.5	1.7	47.3
	POW	27,517	11,750	15,300	10,450	-0.84	0.86	-4.86	3.07	20.2	0.9	4.3	3.7	45.3
	BWE	10,161	46,200	48,050	35,789	-0.22	-0.65	0.54	28.46	19.0	2.0	10.9	11.6	37.5
	QTP	6,210	13,800	17,700	13,500	0.73	1.47	-3.50	-5.48	10.1	1.2	10.7	0.9	48.1
	TLG	5,300	61,300	71,800	41,773	0.66	-1.29	-11.93	43.01	13.0	2.2	18.2	22.4	77.6
Dầu khí	PLX	50,824	40,000	51,700	34,500	0.00	4.99	2.83	15.77	16.9	2.0	11.9	17.4	2.6
	PVS	15,582	32,600	47,300	31,800	2.52	1.88	-1.51	-12.13	14.5	1.2	8.3	19.2	29.9
	PVD	12,952	23,300	34,300	22,100	3.33	5.19	-0.64	-15.43	23.3	0.8	4.5	9.5	39.5
	PVT	9,506	26,700	32,000	23,636	1.14	3.29	-1.66	10.00	8.8	1.3	15.2	12.5	36.5
May mặc và trang sức	PNJ	32,169	95,200	109,600	87,400	0.21	1.49	-2.66	7.45	15.7	3.1	20.2	49.0	0.0
	TCM	4,370	42,900	53,600	36,273	0.70	-4.45	-8.72	15.95	0.0	0.0	0.0	50.0	0.0
	PTB	4,184	62,500	76,500	53,900	2.46	-0.16	-0.32	10.62	12.7	1.5	11.9	23.3	1.8
	MSH	3,788	50,500	53,900	36,650	3.06	4.55	-3.07	36.67	11.2	2.0	18.5	4.8	44.2
Bán lẻ	MWG	84,328	57,700	70,200	43,950	-0.17	0.35	-4.31	28.51	28.5	3.1	11.8	45.9	3.1
	FRT	25,477	187,000	195,000	98,800	1.47	1.91	0.75	87.94	241.3	14.1	6.0	37.0	12.0
	DGW	8,263	37,700	53,769	37,350	0.94	0.80	-9.59	-10.89	0.0	0.0	0.0	19.7	29.3
Phần mềm và dịch vụ	FPT	219,189	149,000	151,900	82,870	1.71	1.15	0.68	79.05	29.1	7.3	28.1	45.1	3.9
	CMG	10,028	47,450	67,207	33,694	2.93	6.27	-4.24	31.67	30.6	3.7	12.4	35.4	14.6
Truyền thông	FOX	48,857	99,200	115,000	54,600	3.77	4.53	3.23	79.71	22.8	5.6	26.2	0.0	0.0
	TTN	907	24,700	26,000	8,100	1.23	6.01	24.12	208.75	31.9	2.0	6.4	1.2	47.9
Vận tải	ACV	266,676	122,500	138,000	65,200	2.51	2.08	2.08	86.45	36.9	5.3	18.0	3.5	45.5
	VJC	53,620	99,000	119,400	98,000	0.10	0.41	-2.56	-5.35	39.4	3.2	8.5	13.1	16.9
	GMD	25,667	62,000	73,671	57,914	1.31	0.00	-5.34	4.44	17.4	2.5	14.7	45.5	3.5
	HAH	6,322	52,100	52,500	32,609	1.56	5.25	5.15	54.42	15.9	2.1	14.2	14.1	15.9
	NT2	5,700	19,800	26,500	18,300	-4.58	-5.04	0.25	-23.70	25.9	1.4	5.3	13.7	35.3
	VIP	972	14,200	17,150	10,800	0.35	5.19	0.35	24.02	14.9	0.8	5.2	9.7	39.4

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 17/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul) One-Asia Equity Sales Team Mirae Asset Center 1 Building 26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539 Korea Tel: 82-2-3774-2124	Mirae Asset Securities (HK) Ltd. Units 8501, 8507-8508, 85/F International Commerce Centre 1 Austin Road West Kowloon Hong Kong Tel: 852-2845-6332	Mirae Asset Securities (UK) Ltd. 41st Floor, Tower 42 25 Old Broad Street, London EC2N 1HQ United Kingdom Tel: 44-20-7982-8000
Mirae Asset Securities (USA) Inc. 810 Seventh Avenue, 37th Floor New York, NY 10019 USA Tel: 1-212-407-1000	Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc. 555 S. Flower Street, Suite 4410, Los Angeles, California 90071 USA Tel: 1-213-262-3807	Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building Vila Olimpia Sao Paulo - SP 04551-060 Brazil Tel: 55-11-2789-2100
PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia District 8, Treasury Tower Building Lt. 50 Sudirman Central Business District Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54 Jakarta Selatan 12190 Indonesia Tel: 62-21-5088-7000	Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd. 6 Battery Road, #11-01 Singapore 049909 Republic of Singapore Tel: 65-6671-9845	Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC 7F, Le Meridien Building 3C Ton Duc Thang St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)
Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC #406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17 1 Khoroo, Sukhbaatar District Ulaanbaatar 14240 Mongolia Tel: 976-7011-0806	Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd 2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699	Beijing Representative Office 2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)
Shanghai Representative Office 38T31, 38F, Shanghai World Financial Center 100 Century Avenue, Pudong New Area Shanghai 200120 China Tel: 86-21-5013-6392	Ho Chi Minh Representative Office 7F, Saigon Royal Building 91 Pasteur St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3910-7715	Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098 India Tel: 91-22-62661336